

KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ (International Economics)

KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

“Kinh tế học quốc tế nghiên cứu những vấn đề phân phối và sử dụng tài nguyên giữa các nền kinh tế thông qua con đường mậu dịch, nhằm đạt được sự cân đối cung-cầu về hàng hóa, dịch vụ, tiền tệ trong phạm vi mỗi nước và trên tổng thể nền kinh tế toàn cầu”.

KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

- + Giao dịch kinh tế và chủ quyền quốc gia
- + Đồng tiền khác nhau
- + Chính sách tài khoá khác nhau
- + Sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất

+ Giao dịch kinh tế và chủ quyền quốc gia

Mỗi quốc gia quan tâm đến tác động của chính sách kinh tế đối ngoại đối với công dân và nền kinh tế trong nước hơn là đến nước khác.

Các chính sách kinh tế thường tạo ra điều kiện thuận lợi hơn cho nhà sản xuất trong nước hoặc gây cản trở cho hàng hoá nước ngoài xâm nhập vào thị trường trong nước.

+ Đồng tiền khác nhau

Giá trị tương đối giữa các đồng tiền của các nước thường xuyên thay đổi.

Việc các đối tác thương mại tham gia vào mạng dịch quốc tế sử dụng các đồng tiền khác nhau gây ra sự khác biệt giữa nội thương và ngoại thương.

+ Chính sách tài khoá khác nhau

Chính sách chi tiêu ngân sách (công khai hay được che đậy) thường dành sự ưu tiên cho nhà sản xuất trong nước.

+ Sự di chuyển yếu tố sản xuất

Sự khác biệt về mức độ linh động của yếu tố sản xuất giữa các nước so với trong nội bộ một nước là một cơ sở cho mậu dịch quốc tế.

PHẦN 1: MẬU DỊCH QUỐC TẾ

(International Trade)

1. Lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế
2. Mô hình yếu tố sản xuất chuyên biệt
3. Mô hình Heckscher-Ohlin
4. Các công cụ của chính sách mậu dịch
5. Liên kết kinh tế quốc tế
6. Di chuyển nguồn lực quốc tế

PHẦN 2: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (*International Finance*)

- 7. Thị trường ngoại hối
- 8. Cán cân thanh toán
- 9. Các yếu tố xác định tỷ giá hối đoái
- 10. Chính sách ngoại hối

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Paul Krugman. Kinh tế học quốc tế: lý thuyết và chính sách. NXB Chính trị quốc gia 1996.

Miltiades C. International Economics. McGraw-Hill PC. 1990

Hoàng Vĩnh Long (CB). Kinh tế học quốc tế. NXB ĐHQG TP.HCM 2005

Hoàng Thị Chinh (CB). Giáo trình kinh tế quốc tế. NXB Giáo dục 1998.



(C) HVL-VNU_HCM

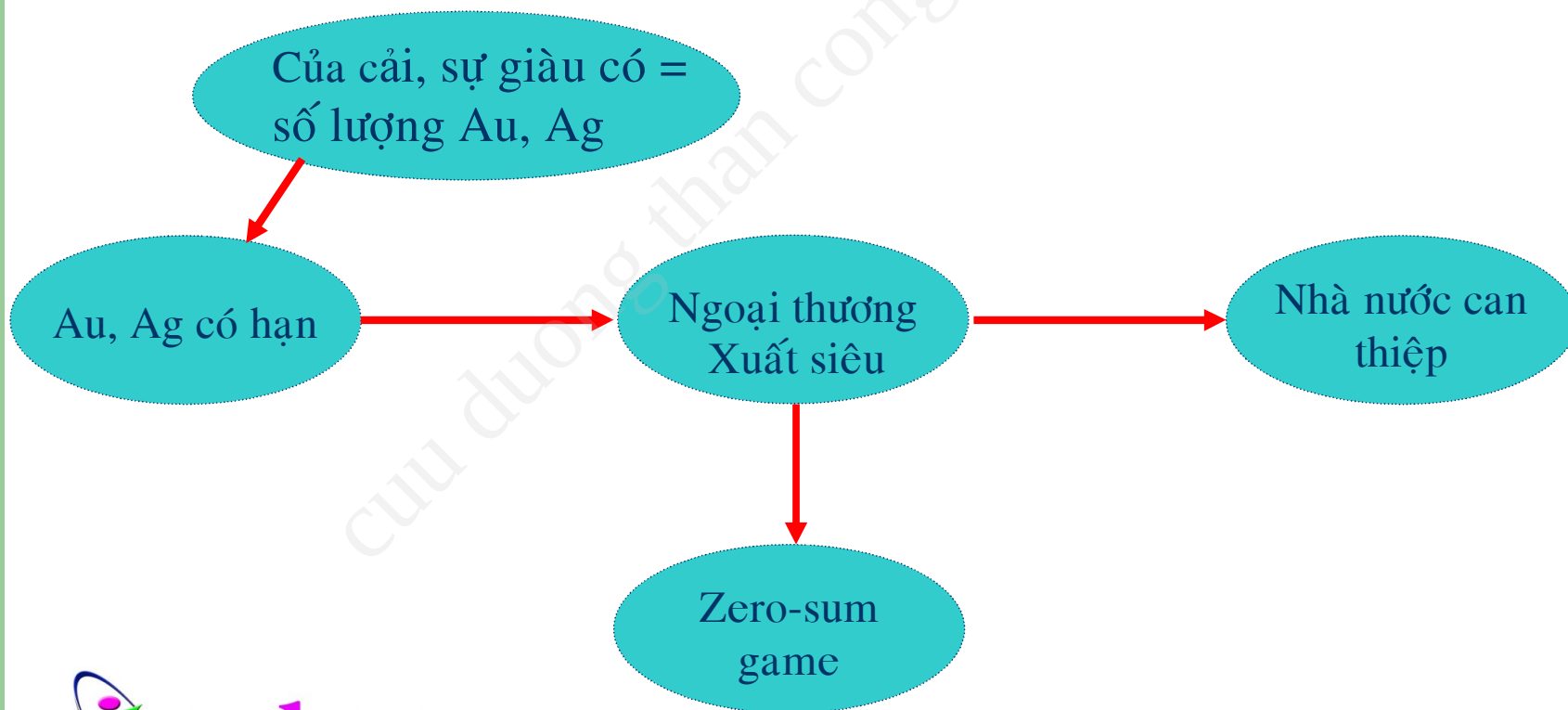
KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

LÝ THUYẾT CỔ ĐIỂN

NỘI DUNG

- **Học thuyết trọng thương**
- **Adam Smith - Lý thuyết về Lợi thế tuyệt đối**
- **D. Ricardo – Lý thuyết về lợi thế so sánh**
- **Gottffried Haberler - Lý thuyết chi phí cơ hội**

HỌC THUYẾT TRỌNG THƯƠNG (*Mercantilism*)



HỌC THUYẾT TRỌNG THƯỜNG

- ✎ Cấm xuất khẩu vàng và bạc
- ✎ Hạn chế tối đa nhập khẩu hàng hoá tiêu dùng từ nước ngoài
- ✎ Chỉ nhập khẩu nguyên liệu thô để sản xuất ra thành phẩm
- ✎ Không nhập khẩu hàng hoá trong nước sản xuất

HỌC THUYẾT TRỌNG THƯƠNG

- Thương mại quốc tế là nguồn quan trọng mang lại sự giàu có cho quốc gia.
- Nhà nước can thiệp vào ngoại thương: khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu.
- Thương mại mang lại lợi ích cho một trong hai phía.

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Các giả thiết:

1. Hai quốc gia - hai sản phẩm
 - + một yếu tố sản xuất (lao động)
 - + giá trị hàng hóa tính theo lao động
2. Chi phí sản xuất không đổi.
3. Thị trường hàng hoá và yếu tố sản xuất là cạnh tranh hoàn hảo.



LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Giả thiết (*tt*)

4. Chi phí vận chuyển bằng không.
5. Lao động có thể di chuyển tự do trong một quốc gia nhưng không thể di chuyển giữa các quốc gia.
6. Mậu dịch tự do, không có thuế quan và các rào cản mậu dịch.

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Năng suất của lao động (trình độ công nghệ):

Chi phí lao động/1 đ.v. sp.	Vải	Thép
Nội địa	2 giờ	3 giờ
Nước ngoài	3 giờ	2 giờ

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Trước MD:

$$(P_v/P_t) = 2/3 \text{ hay } (P_t/P_v) = 3/2$$

$$(P_v/P_t)^* = 3/2 \text{ hay } (P_t/P_v)^* = 2/3$$

- NĐ có lợi thế tuyệt đối trong sản xuất vải
- NN có lợi thế tuyệt đối trong sản xuất thép

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Có MD:

NĐ xuất khẩu vải, nhập khẩu thép

NN xuất khẩu thép, nhập khẩu vải

Giá trao đổi MD:

$$2/3 = (P_v/P_t) < (P_v/P_t)^T < (P_v/P_t)^* = 3/2$$

$$3/2 = (P_t/P_v) > (P_t/P_v)^T > (P_t/P_v)^* = 2/3$$

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Năng suất của lao động (trình độ công nghệ):

Chi phí lao động/1 đ.v. sp	Vải	Thép
Nội địa	2 giờ	3 giờ
Nước ngoài	3 giờ	2 giờ

Lợi ích từ MD: giả sử giá trao đổi là $(P_V/P_T)^T = 1$

NĐ: XK 1 đ.v. vải (2 giờ), NK 1 đ.v. thép (3 giờ) → tiết kiệm 1 giờ

NN: XK 1 đ.v. thép (2 giờ), NK 1 đ.v. vải (3 giờ) → tiết kiệm 1 giờ

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Kết luận:

1. *Cơ sở của mậu dịch:* mậu dịch dựa trên cơ sở của lợi thế tuyệt đối
2. *Mô hình mậu dịch:* mỗi quốc gia sẽ xuất khẩu sản phẩm có lợi thế tuyệt đối

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Kết luận (tt):

3. *Giá trao đổi*: nằm trong khoảng chênh lệch giá trước mâu dịch
4. *Lợi ích từ mâu dịch*: mâu dịch mang lại lợi ích cho các bên tham gia → trò chơi có kết cục dương (positive game)

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI CỦA ADAM SMITH

Kết luận (tt):

4. *Chuyên môn hoá*: mỗi quốc gia sẽ chuyên môn hoá hoàn toàn vào sản phẩm có lợi thế tuyệt đối
5. *Chính sách nhà nước*: không nên can thiệp vào mậu dịch

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

(D. RICARDO'S THEORY OF COMPARATIVE ADVANTAGE)

Giả thiết:

1. Hai quốc gia + hai sản phẩm + một yếu tố sản xuất (lao động) + giá trị hàng hóa tính theo lao động.
2. Chi phí sản xuất không đổi.

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Giả thiết:

3. Cạnh tranh hoàn hảo trên các thị trường hàng hoá và yếu tố sản xuất.
4. Chi phí vận chuyển bằng không.

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Giả thiết (tt):

5. Lao động có thể di chuyển tự do trong một quốc gia nhưng không thể di chuyển giữa các quốc gia.
6. Mậu dịch tự do, không có thuế quan và các rào cản mậu dịch.

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Năng suất của lao động (trình độ công nghệ):

Chi phí lao động/1 đ.v. sp	Vải	Thép
Nội địa	4 giờ	6 giờ
Nước ngoài	3 giờ	2 giờ

NĐ bất lợi thế tuyệt đối trong sản xuất cả vải và thép
NN có lợi thế tuyệt đối trong sản xuất cả vải và thép
theo Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối: không thể có
mậu dịch giữa 2 nước

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Trước MD:

$$(P_v/P_t) = 2/3 \text{ hay } (P_t/P_v) = 3/2$$

$$(P_v/P_t)^* = 3/2 \text{ hay } (P_t/P_v)^* = 2/3$$

Nội địa có lợi thế tương đối trong sản xuất vải

Nước ngoài có lợi thế tương đối trong sản xuất thép

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Năng suất của lao động (trình độ công nghệ):

Chi phí lao động/1 đ.v. sp	Vải	Thép
Nội địa	4 giờ	6 giờ
Nước ngoài	3 giờ	2 giờ

Có MD:

NĐ xuất khẩu vải, nhập khẩu thép

NN xuất khẩu thép, nhập khẩu vải



Điểm danh sinh viên ĐH Kinh Tế TP HCM

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Năng suất của lao động (trình độ công nghệ):

Chi phí lao động/1 đ.v. sp	Vải	Thép
Nội địa	4 giờ	6 giờ
Nước ngoài	3 giờ	2 giờ

Giá trao đổi MD:

$$2/3 = (P_v/P_t) < (P_v/P_t)^T < (P_v/P_t)^* = 3/2$$

$$3/2 = (P_t/P_v) > (P_t/P_v)^T > (P_t/P_v)^* = 2/3$$



Điểm danh sinh viên ĐH Kinh Tế TP HCM

(C) HVL-VNU_HCM

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Chi phí lao động/1 đ.v. sp	Vải	Thép
Nội địa – có 600 giờ công LĐ	4 giờ	6 giờ
Nước ngoài – có 600 giờ công LĐ	3 giờ	2 giờ

Đường giới hạn khả năng sản xuất (*PPF- Production Possibility Frontier*)

Đường giới hạn khả năng tiêu thụ (*CPF- Consumption Possibility Frontier*)

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Khi không có mâu dịch: PPF trùng với CPF

Ở Nội địa, PPF: $4v + 6t = 600$

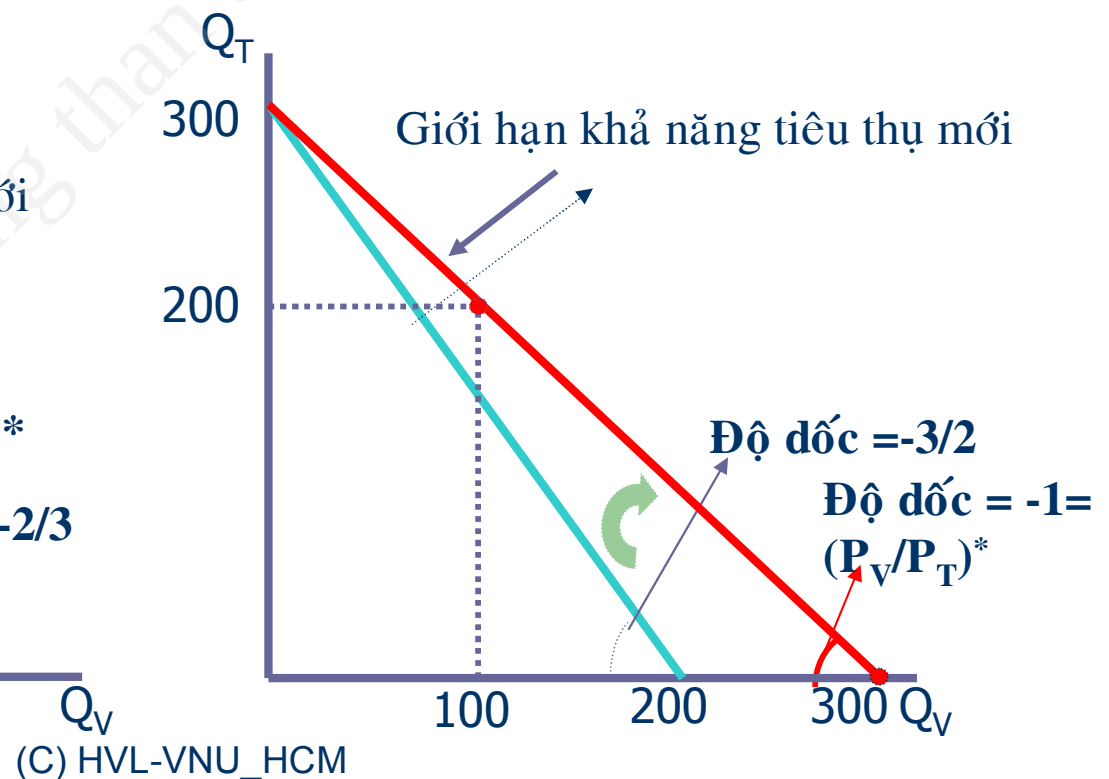
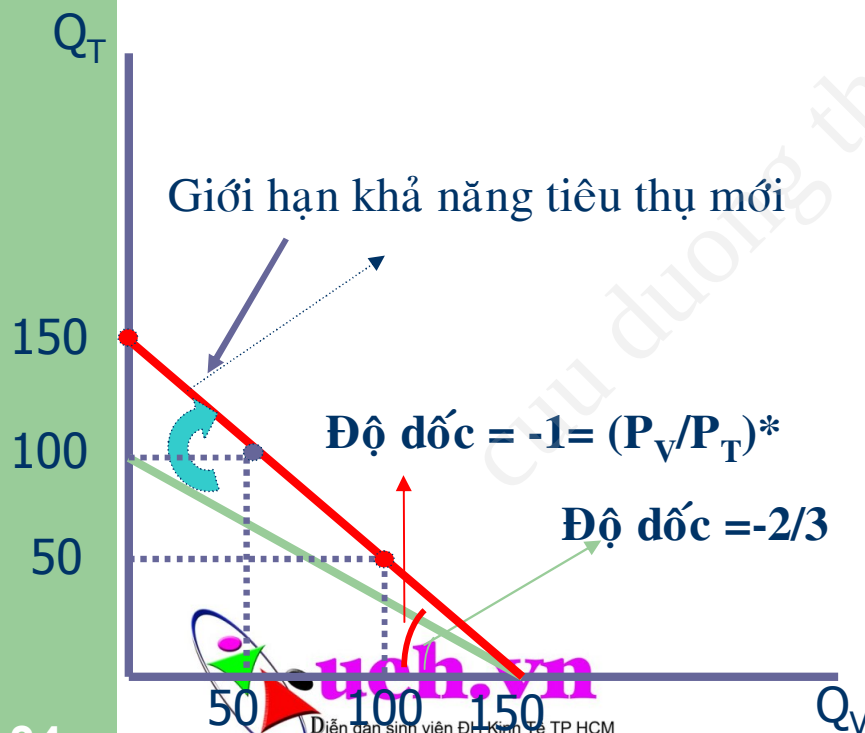
$$\text{hay } t = 100 - 2/3v$$

Ở Nước Ngoài, PPF: $3v + 2t = 600$

$$\text{hay } t = 300 - 3/2v$$

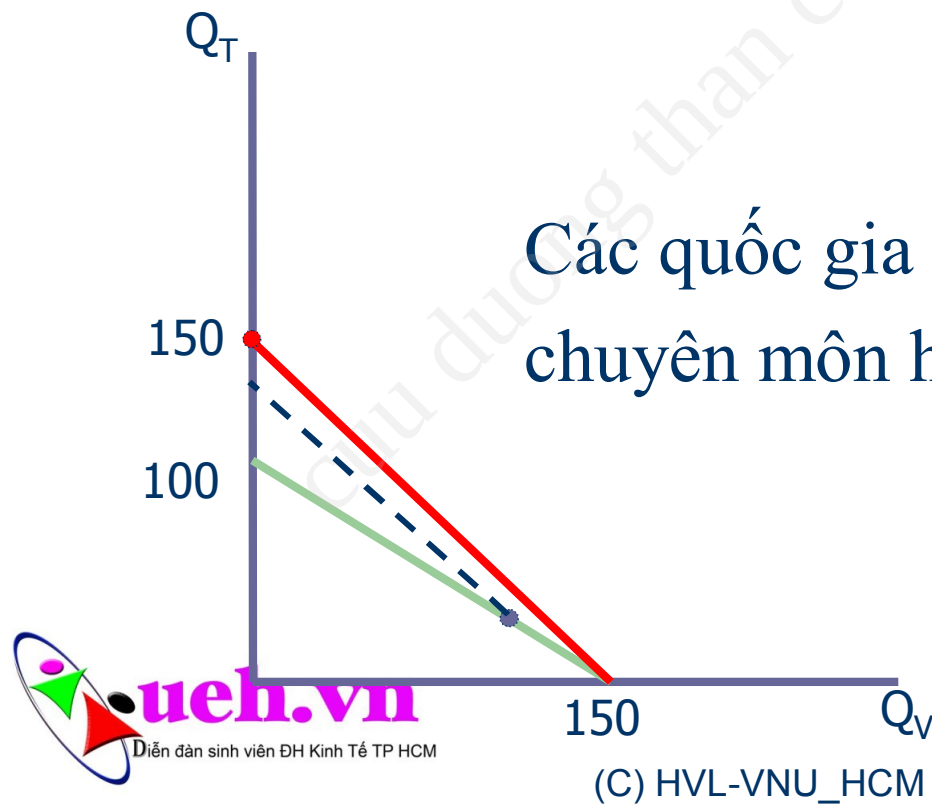
LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Giả sử giá trao đổi $(P_V/P_T)^* = 1$



LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Mô hình chuyên môn hoá



LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Kết luận:

1. *Cơ sở của mậu dịch*: mậu dịch dựa trên cơ sở của lợi thế tương đối
2. *Mô hình mậu dịch*: mỗi quốc gia sẽ xuất khẩu sản phẩm có lợi thế tương đối

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Kết luận (tt):

3. *Giá trao đổi*: nằm trong khoảng chênh lệch giá trước mậu dịch
4. *Lợi ích từ mậu dịch*: mậu dịch mang lại lợi ích cho các bên tham gia

LÝ THUYẾT VỀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA D. RICARDO

Kết luận (tt):

5. *Chuyên môn hoá*: mỗi quốc gia sẽ chuyên môn hoá hoàn toàn vào sản phẩm có lợi thế tương đối
6. *Chính sách nhà nước*: không nên can thiệp vào mậu dịch

Hệ số biểu thị lợi thế so sánh RCA (the Coefficient of Revealed Comparative Advantage)

Chỉ ra khả năng cạnh tranh xuất khẩu của một quốc gia về một sản phẩm xác định

$RCA < 1$: Sản phẩm không có lợi thế so sánh

$1 < RCA < 2.5$: Sản phẩm có lợi thế so sánh cao

$RCA \geq 2.5$: Sản phẩm có lợi thế so sánh rất cao

Công thức

$$RCA = \frac{E_{XA}}{E_A} : \frac{E_{XW}}{E_w}$$

Trong đó:

E_{XA} : Giá trị XK sản phẩm X của quốc gia A

E_A : Tổng giá trị XK của quốc gia A

E_{XW} : Giá trị XK sản phẩm X của toàn thế giới

E_w : Tổng giá trị XK của toàn thế giới.

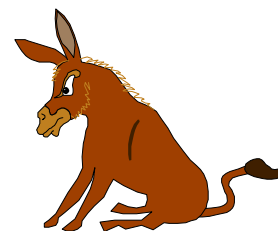
LÝ THUYẾT CHI PHÍ CƠ HỘI CỦA GOTTFRIED HABERLER

(THE THEORY OF OPPORTUNITY COSTS - GOTTFRIED HABERLER)

Chi phí cơ hội của một sản phẩm:

là số lượng sản phẩm khác phải bị giảm xuống để có thể sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm đó.

OPPORTUNITY COST
OPPORTUNITY COST

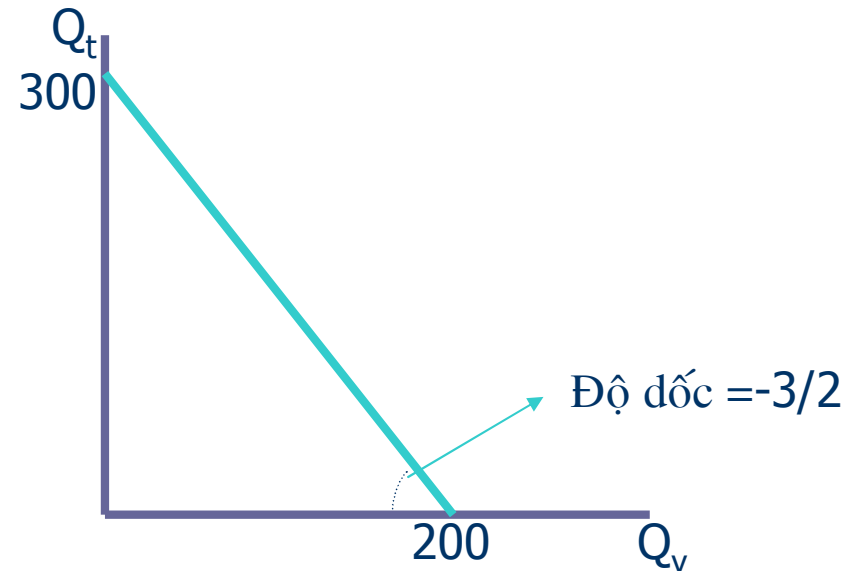
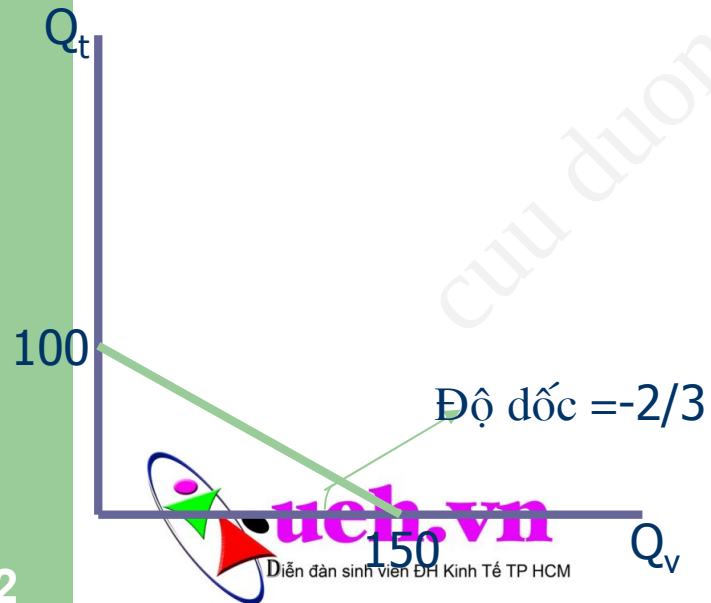


?!?



LÝ THUYẾT CHI PHÍ CƠ HỘI CỦA GOTTFRIED HABERLER

Chi phí nguồn lực/1 đ.v. sp	Vải	Thép
Nội địa	4	6
Nước ngoài	3	2



(C) HVL-VNU_HCM

KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT

NỘI DUNG

1. Nền kinh tế trước khi có mậu dịch
 - Giới hạn khả năng sản xuất
 - Điểm sản xuất và tiêu dùng
2. Nền kinh tế nhỏ, mở cửa
3. Điều kiện mậu dịch
4. Mậu dịch dựa trên cơ sở sự khác biệt thị hiếu

MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI GIA TĂNG

Hiện tượng chi phí cơ hội gia tăng

việc sản xuất mỗi đơn vị hàng hóa kế tiếp kéo theo sự hy sinh ngày càng nhiều sản phẩm ở các ngành khác

Nguyên nhân

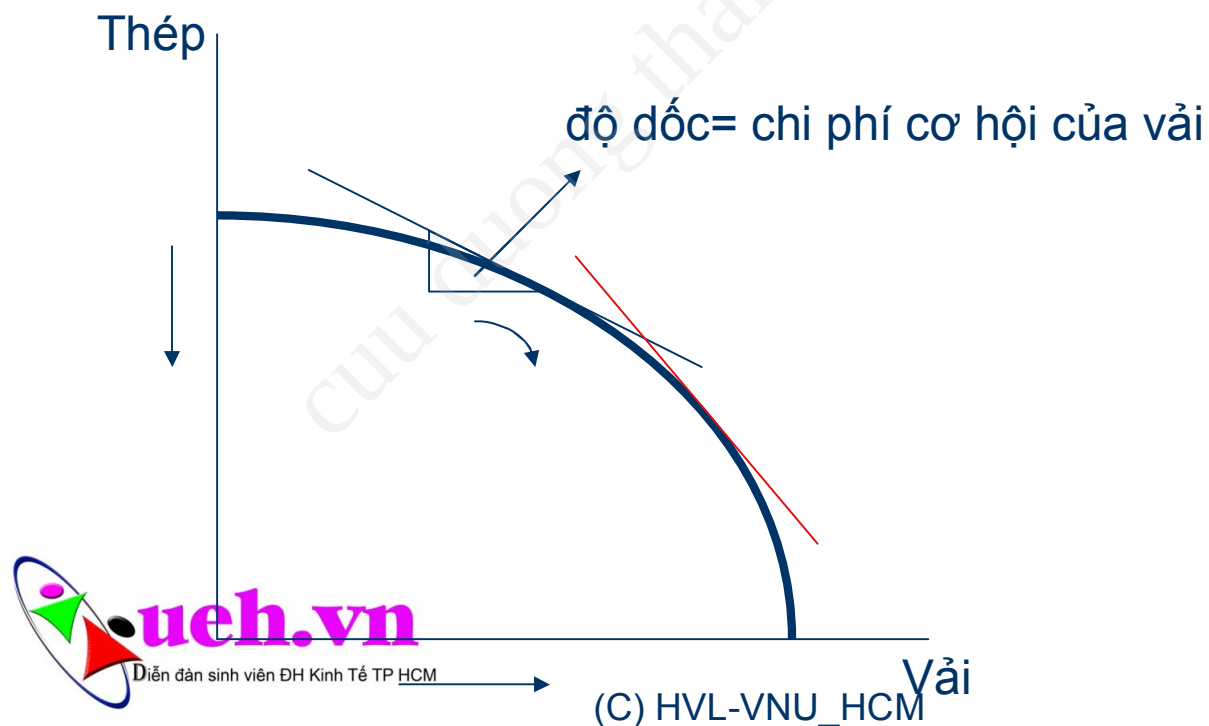
các yếu tố sản xuất có tính chuyên biệt sản phẩm



MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI GIA TĂNG

❖ Nền kinh tế trước khi có mâu dịch

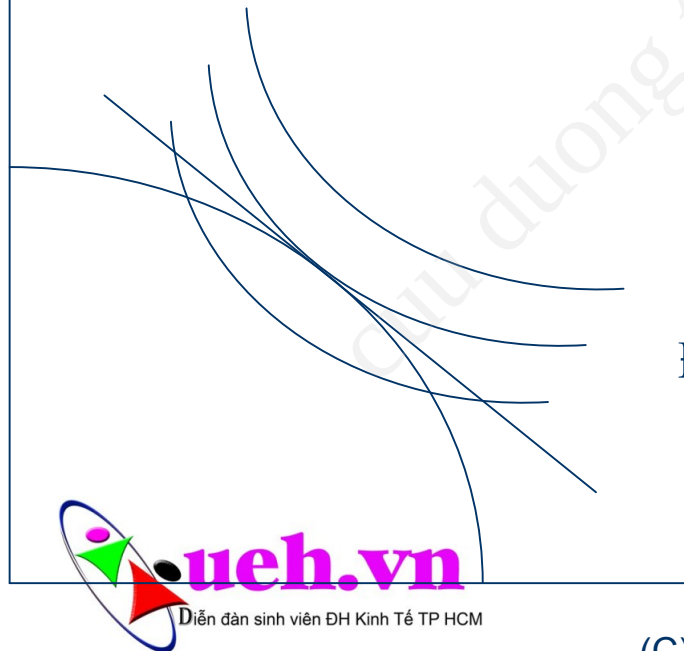
Giới hạn khả năng sản xuất



MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI GIA TĂNG

❖ Nền kinh tế trước khi có mậu dịch
Lựa chọn điểm sản xuất và tiêu dùng

Thép



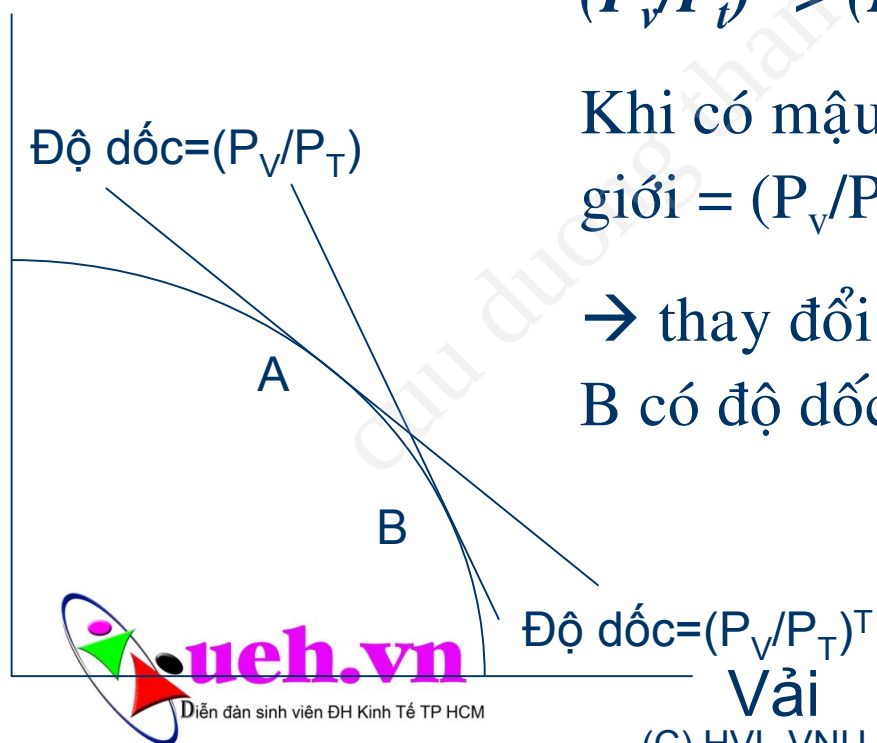
$$\begin{aligned} \text{Độ dốc} &= - \frac{\Delta t}{\Delta v} = - \frac{\Delta L \cdot MPL_T}{\Delta L \cdot MPL_V} = - \frac{MPL_T}{MPL_V} \\ &= - \frac{w/P_T}{w/P_V} = - \frac{P_V}{P_T} \end{aligned}$$

Vải

(C) HVL-VNU_HCM

MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI GIA TĂNG

Thép



❖ Nền kinh tế nhỏ, mở cửa - giá thế giới
 $(P_v/P_t)^T > (P_v/P_t)$

Khi có mậu dịch, giá trong nước = giá thế giới = $(P_v/P_t)^T$

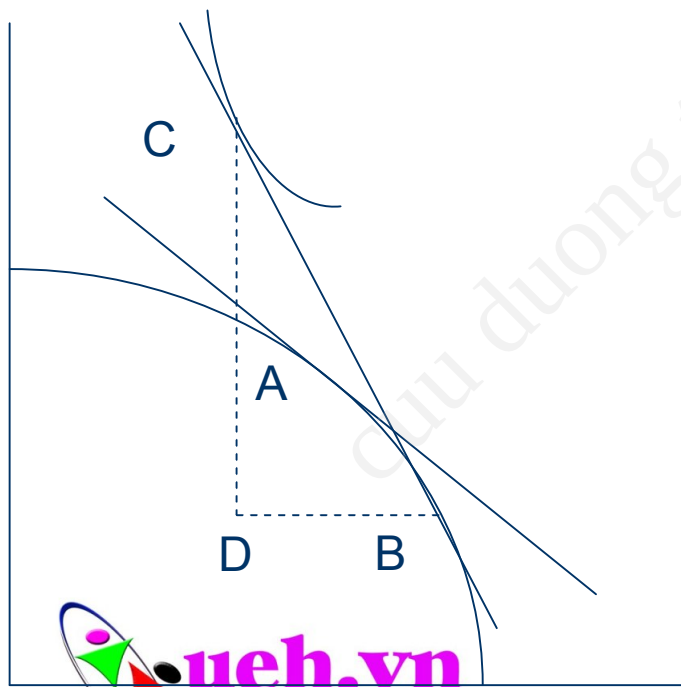
→ thay đổi điểm sản xuất trong nước đến B có độ dốc = $(P_v/P_t)^T$

Vải
 (C) HVL-VNU_HCM

MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI GIA TĂNG

❖ Nền kinh tế khi có mâu dịch

Thép



→ Điểm tiêu thụ mới: C

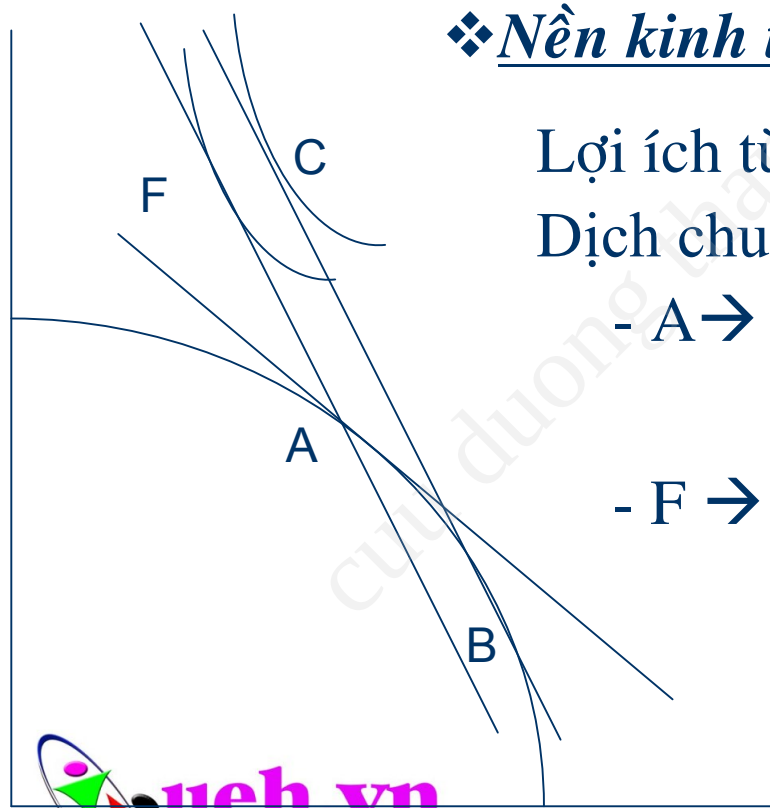
- xuất khẩu BD vải
- nhập khẩu CD thép

Vải

(C) HVL-VNU_HCM

MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI GIA TĂNG

Thép



❖ Nền kinh tế khi có mậu dịch

Lợi ích từ mậu dịch:

Dịch chuyển điểm tiêu thụ $A \rightarrow C$

- $A \rightarrow F$: lợi ích tiêu thụ

(lợi ích từ trao đổi quốc tế)

- $F \rightarrow C$: lợi ích sản xuất

(lợi ích từ chuyên môn hoá quốc tế)

MÔ HÌNH YẾU TỐ SẢN XUẤT CHUYÊN BIỆT VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI GIA TĂNG

Kết luận:

1. Cả trong trường hợp chi phí cơ hội gia tăng các quốc gia vẫn thu được lợi ích từ mậu dịch
2. Sự chuyên môn hoá diễn ra không hoàn toàn
3. Lợi ích từ mậu dịch bao gồm: lợi ích sản xuất và lợi ích tiêu thụ.

Điều kiện mậu dịch

Điều kiện mậu dịch (TOT - *Terms of Trade*) - tương quan giá xuất khẩu của một nước với giá nhập khẩu của nước đó

$$TOT = P_x / P_m$$

$P_x = \sum x_i p_i$, trong đó x_i - tỷ trọng sản phẩm i trong tổng giá trị xuất khẩu, p_i - giá sản phẩm i

$P_m = \sum m_j p_j$, trong đó m_j - tỷ trọng sản phẩm j trong tổng giá trị nhập khẩu, p_j - giá sản phẩm j



Mậu dịch dựa trên sự khác biệt thị hiếu

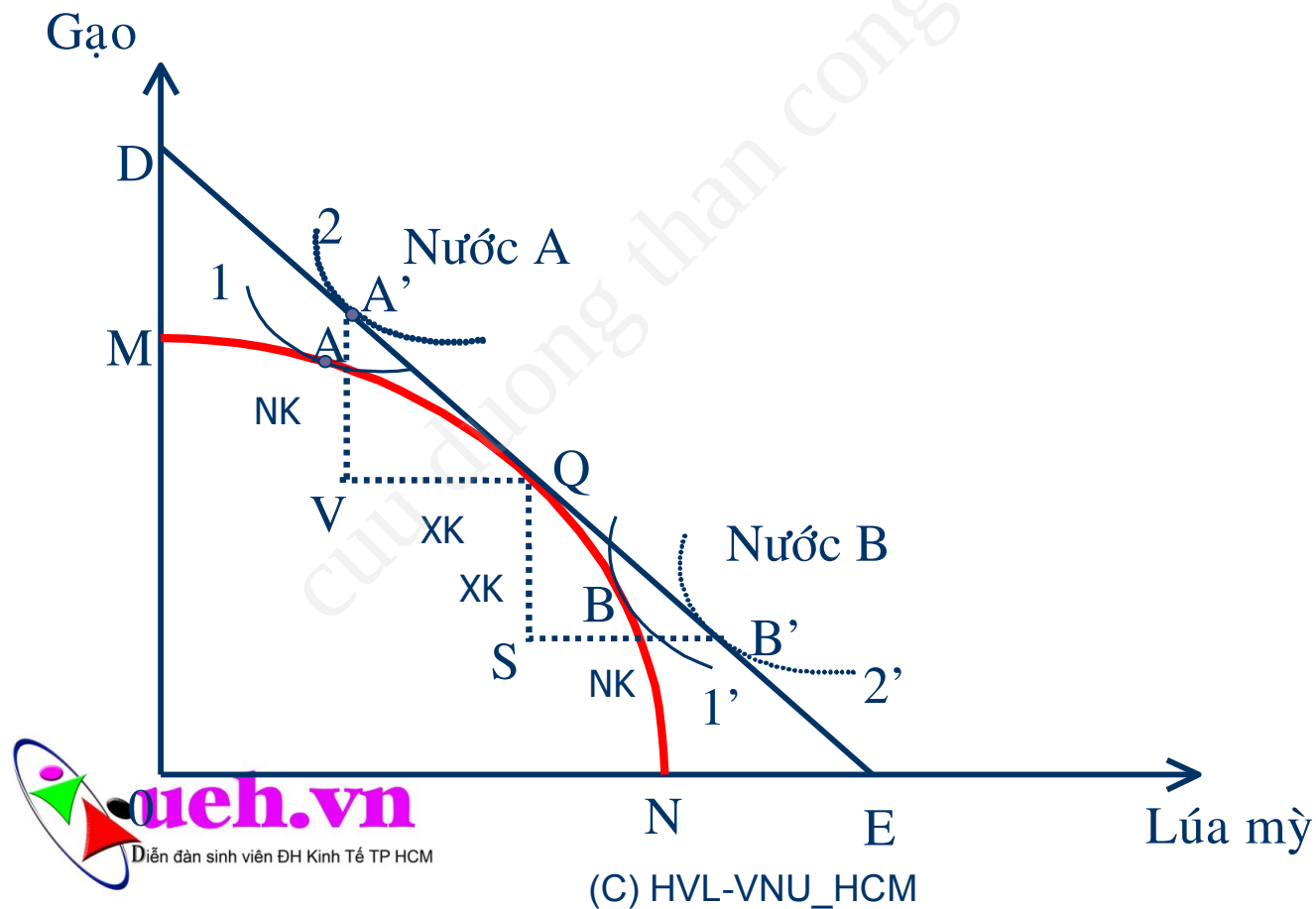
Xem xét hai nước A và B

Cả hai nước đều có điều kiện sản xuất hoàn toàn giống nhau (công nghệ, nguồn lực sản xuất như nhau)

Giữa hai nước có sự khác biệt về thị hiếu:

- *Người dân nước A thích tiêu thụ gạo*
- *Người dân nước B thích tiêu thụ lúa mì*

Mậu dịch dựa trên sự khác biệt thị hiếu



Mậu dịch dựa trên sự khác biệt thị hiếu

A sản xuất tại Q, tiêu thụ tại A':

- xuất khẩu QV lúa mỳ
- nhập khẩu VA' gạo

B sản xuất tại Q, tiêu thụ tại B':

- xuất khẩu QS gạo
- nhập khẩu SB' lúa mỳ

Mậu dịch dựa trên sự khác biệt thị hiếu

Thông qua mậu dịch, cả hai nước đều thu được lợi ích – tiêu thụ trên đường bàng quan cao hơn.

→ Sự khác biệt về thị hiếu cũng có thể là một nguồn dẫn đến mậu dịch quốc tế.

KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

NỘI DUNG

1. Các giả thiết
2. Khái niệm cơ bản
3. Các định luật của mô hình
4. Mở rộng mô hình H-O

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

Các giả thiết:

1. Mô hình: 2 quốc gia, 2 yếu tố sản xuất (lao động – L và vốn – K), 2 sản phẩm (vải và thép)
2. Công nghệ giống nhau ở cả hai nước

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

Các giả thiết (tt):

3. Sản xuất có hiệu suất qui mô không đổi
4. Cạnh tranh hoàn hảo trên thị trường sản phẩm và yếu tố sản xuất

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

Các giả thiết (tt):

5. Các yếu tố sản xuất hoàn toàn lưu động trong nước, hoàn toàn không lưu động giữa các nước
6. Thị hiếu giống nhau
7. Mậu dịch tự do và không có chi phí vận chuyển

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

Hai khái niệm cơ bản:

1. Tính thâm dụng yếu tố (*Factor Intensity*)
2. Tính dư thừa yếu tố (*Factor Abundance*)

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

1. Tính thâm dụng yếu tố sản xuất

Sản phẩm thâm dụng một yếu tố hơn sản phẩm khác khi nó sử dụng yếu tố này trong quá trình sản xuất với tỷ lệ lớn hơn.

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

1. Tính thâm dụng yếu tố sản xuất (*tt*)

	Yếu tố / đ.v. sản phẩm	
	Lao động	Vốn
Vải (m)	6	2
Thép (kg)	8	4

$(L/K)_V > (L/K)_T$ Vải thâm dụng lao động

$(K/L)_V < (K/L)_T$ Thép thâm dụng vốn

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

2. Tính dư thừa yếu tố sản xuất *Tiêu chuẩn vật thể*

	Số lượng yếu tố sản xuất	
	Lao động	Vốn
A	40 triệu	1.000 tỷ USD
B	45 triệu	50.000 tỷ USD

$$(L/K)_A > (L/K)_B$$

A dư thừa lao động, B khan hiếm lao động


$$(K/L)_A < (K/L)_B$$

Điểm danh sinh viên ĐH Kinh Tế TP HCM

B dư thừa vốn, A khan hiếm vốn

(C) HVL-VNU_HCM

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

2. Tính dư thừa yếu tố sản xuất (tt)

Tiêu chuẩn kinh tế

$$(w/r)_A < (w/r)_B$$

$$(r/w)_A > (r/w)_B$$

A dư thừa lao động, B khan hiếm lao động

B dư thừa vốn, A khan hiếm vốn



MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

ĐỊNH LUẬT RYBCZYNSKI

Khi các yếu tố được sử dụng hoàn toàn, sự gia tăng cung ứng một yếu tố làm tăng sản lượng của sản phẩm thâm dụng yếu tố đó và làm giảm sản lượng sản phẩm còn lại.

MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

ĐỊNH LUẬT RYBCZYNSKI

L=900, K=600 đ.v.	Yếu tố / đ.v sản phẩm	
	Lao động	Vốn
Vải (m)	4	1
Thép (kg)	2	3

Giới hạn lao động: $4v + 2t = 900$

$$\rightarrow t = 450 - 2v$$

Giới hạn vốn: $v + 3t = 600$

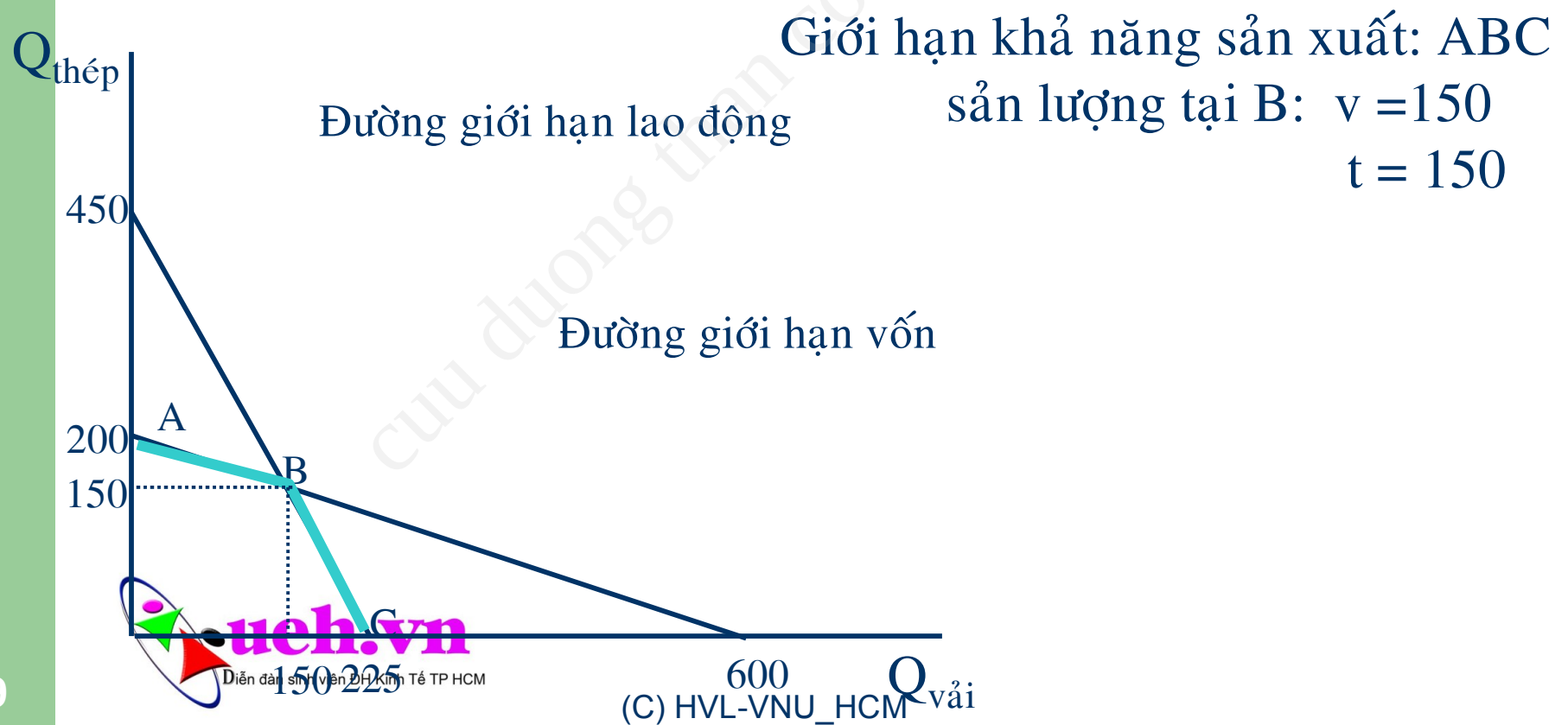


$$\rightarrow t = 200 - \frac{1}{3}v$$

(C) HVL-VNU_HCM

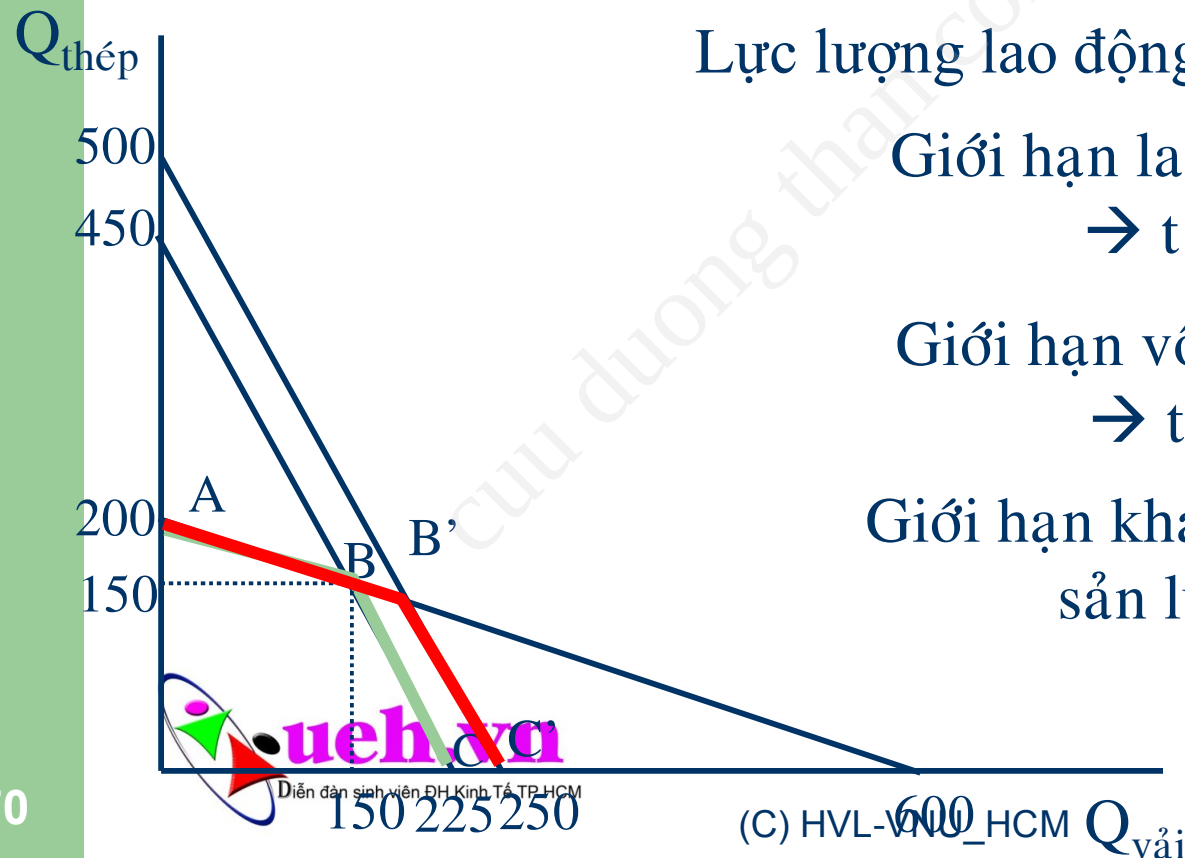
MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

ĐỊNH LUẬT RYBCZYNSKI



MÔ HÌNH HECKSCHER-OHLIN

ĐỊNH LUẬT RYBCZYNSKI



Lực lượng lao động tăng lên $L' = 1000$

Giới hạn lao động: $4v + 2t = 1000$

$$\rightarrow t = 500 - 2v$$

Giới hạn vốn: $v + 3t = 600$

$$\rightarrow t = 200 - \frac{1}{3}v$$

Giới hạn khả năng sản xuất: $AB'C'$

sản lượng tại B' : $v = 180$

$$t = 140$$